

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
đã được kiểm toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

Trang

---

<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10-31

10  
A1  
V  
37

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103002144, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2003, thay đổi lần 12 ngày 20/01/2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

##### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông: Nguyễn Tân Thành	Chủ tịch
Ông: Tạ Hoài Hạnh	Phó Chủ tịch
Ông: Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên
Ông: Lưu Vũ Trường Đạm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/07/2020)
Ông: Lý Tuấn Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13/06/2020)
Ông: Nguyễn Vũ Thiện	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/06/2020)
Ông: Lã Xuân Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/07/2020)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông: Nguyễn Tân Thành	Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thị Thu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lưu Vũ Trường Đạm	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lưu Vũ Trường Đạm	Kế toán trưởng

##### **Ban kiểm soát**

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà: Nguyễn Thị Thùy Hương	Trưởng ban
Bà: Phan Thúy Nga	Thành viên
Bà: Vũ Thị Hà	Thành viên



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tân Thành





Số : 334/BCKT/TC/NV7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama được lập ngày 16/03/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**TRẦN TRI DUNG**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHNKT số: 0895-2018-126-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ**  
**THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2020

---

**Đỗ Thị Duyên**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHNKT số: 3642-2021-126-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>522.793.099.090</b>	<b>435.400.219.078</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>40.697.683.275</b>	<b>8.388.042.133</b>
1. Tiền	111		4.347.683.275	8.388.042.133
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.350.000.000	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>70.000.000.000</b>	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>195.148.755.051</b>	<b>202.288.862.545</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	23.007.883.583	107.750.046.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.617.165.825	2.824.890.959
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	60.900.000.000	5.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	107.623.705.643	85.913.924.896
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>216.634.592.921</b>	<b>224.390.011.878</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.07	216.634.592.921	224.390.011.878
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>312.067.843</b>	<b>333.302.522</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	41.265.859	57.264.493
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		156.693.147	156.693.147
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	114.108.837	119.344.882
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.748.406.219</b>	<b>5.508.888.902</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>670.000.000</b>	<b>670.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.09	670.000.000	670.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	-	-
- Nguyên giá	222		3.255.054.361	5.559.978.250
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(3.255.054.361)	(5.559.978.250)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.078.406.219</b>	<b>4.838.888.902</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	5.078.406.219	4.838.888.902
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>528.541.505.309</b>	<b>440.909.107.980</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.676.795.021</b>	<b>163.960.878.178</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.430.548.291</b>	<b>50.339.631.448</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	10.633.837.789	33.323.174.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.870.460.000	6.231.288.080
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	267.847.928	2.376.421.180
4. Phải trả người lao động	314		949.944.902	492.178.788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	818.154.733	976.951.981
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	847.273.355	832.858.453
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17		6.042.064.942
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		43.029.584	64.693.221
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.246.246.730</b>	<b>113.621.246.730</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.246.246.730	4.246.246.730
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16		109.375.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>506.864.710.288</b>	<b>276.948.229.802</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>506.864.710.288</b>	<b>276.948.229.802</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		454.400.000.000	250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		454.400.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.125.005.000	26.125.005.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.591.308.205	4.591.308.205
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.748.397.083	(3.768.083.403)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.768.083.403)	(699.215.643)
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		25.516.480.486	(3.068.867.760)
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>528.541.505.309</b>	<b>440.909.107.980</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Vũ Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng



Lưu Vũ Trường Đạm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tân Thành



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	48.403.310.487	168.145.932.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	48.403.310.487	168.145.932.974
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	45.812.101.348	163.276.143.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.591.209.139	4.869.789.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	26.381.146.118	7.554.338
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	246.369.863	560.321.658
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		246.369.863	558.497.503
8. Chi phí bán hàng	24		756.567.514	767.475.241
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	2.937.437.904	4.119.956.651
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.031.979.976	(570.409.266)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	555.455.325	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	70.954.815	2.498.458.494
13. Lợi nhuận khác	40		484.500.510	(2.498.458.494)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.516.480.486	(3.068.867.760)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		25.516.480.486	(3.068.867.760)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	934	(123)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	934	(123)

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Vũ Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng

Lưu Vũ Trường Đạm

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tân Thành

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.516.480.486	(3.068.867.760)
2. Điều chỉnh cho các khoản		(28.983.499.682)	551.318.165
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	-2.304.923.889	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.924.945.656)	(7.179.338)
- Chi phí lãi vay	06	246.369.863	558.497.503
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.467.019.196)	(2.517.549.595)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	86.471.041.209	(34.914.481.326)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.755.418.957	48.607.403.061
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(136.202.850.480)	40.467.530.135
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15.998.634	(12.127.549)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(246.369.863)	(651.709.209)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.268.053)	(1.192.014.506)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(21.663.637)	(94.684.726)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(45.707.712.429)</b>	<b>49.692.366.285</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	2.065.406.572	(222.083.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	545.454.545	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(130.900.000.000)	(5.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.800.000.000	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.148.557.396	7.179.338
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(120.340.581.487)</b>	<b>(6.014.903.662)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	204.400.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	55.000.000.000	10.716.972.285
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.042.064.942)	(53.762.644.402)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>198.357.935.058</b>	<b>(43.045.672.117)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>32.309.641.142</b>	<b>631.790.506</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.388.042.133	7.756.251.627
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.697.683.275	8.388.042.133

Người lập biểu



Vũ Thị Hoàng Lan

Kế toán trưởng



Lưu Vũ Trường Đạm

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021



Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Tân Thành



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2020**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103002144, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/04/2003, thay đổi lần 12 ngày 20/01/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 454.400.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi bốn tỷ bốn trăm triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Đầu tư xây dựng các khu đô thị bao gồm các công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật, nhà ở và các công trình dân dụng;
- ✓ Đầu tư xây dựng và kinh doanh các khu đô thị và công nghiệp;
- ✓ Kinh doanh nhà ở và văn phòng;
- ✓ Tổng thầu từ khâu : thiết kế (có trong chứng chỉ hành nghề), cung cấp, chế tạo thiết bị vật tư và xây lắp các công trình hạ tầng, nhà ở, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ✓ Khai thác, và sản xuất các vật liệu xây dựng và cấu kiện;
- ✓ Thi công từ các công tác làm đất, móng, tường chắn, công trình ngầm, các công trình hạ tầng, đô thị, dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- ✓ Tư vấn dự án và công trình bao gồm : khảo sát, lập dự án, thiết kế (có trong chứng chỉ hành nghề), tư vấn đấu thầu, giám sát và đào tạo vận hành các loại công trình dân dụng và công nghiệp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) ;
- ✓ Tư vấn chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, cấp thoát nước, xử lý và bảo vệ môi trường;
- ✓ Kinh doanh thiết bị và máy móc, vật tư ngành xây dựng;
- ✓ Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất, đối với công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp ;
- ✓ Thẩm định thiết kế và dự toán công trình dân dụng và công nghiệp (chỉ thẩm định trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký);
- ✓ Kinh doanh, môi giới cho thuê, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);



- ✓ Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và cung cấp dịch vụ công cộng bao gồm : chăm sóc cảnh quan, kinh doanh siêu thị, khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), bảo trì sửa chữa các tiện ích công cộng trong khu công nghiệp, khu đô thị.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm 31/12/2020, Văn phòng Công ty đặt tại tầng 3, tòa nhà River Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;



- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

## **2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

## **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.



**c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

**5. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá



công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### ***a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

### ***b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

### ***c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 03 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 05 năm |

#### **8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
  - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
  - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
  - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).



**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn



sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***a. Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### ***b. Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### ***c. Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### ***d. Thu nhập khác***

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;



- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### **15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

### **16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...



Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

### **20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

#### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020		01/01/2020	
	Tiền mặt tại quỹ	162.588.628		640.932.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.185.094.647		7.747.109.282	
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	36.350.000.000		-	
<b>Cộng</b>	<b>40.697.683.275</b>		<b>8.388.042.133</b>	
2 . Đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
a) Phải thu khách hàng	4.821.435.702		80.624.061.969	
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	1.073.929.700		5.811.733.700	
- Công ty Cổ phần địa ốc Sa Hoàng Việt	1.269.856.000		1.269.856.000	
- Công ty Cổ phần Việt Vương	-		1.816.066.536	
- Công ty TNHH Liên doanh ô tô Hòa Bình	-		66.552.182.375	
- Các khách hàng khác	2.477.650.002		5.174.223.358	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	18.186.447.881		27.125.984.721	
- Công ty cổ phần Tập đoàn Bách Việt	9.804.127.238		21.804.127.238	
- Công ty Cổ phần BV Land	8.382.320.643		5.321.857.483	
<b>Cộng</b>	<b>23.007.883.583</b>		<b>107.750.046.690</b>	
4 . Trả trước người bán ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
a) Trả trước cho người bán	3.617.165.825		2.824.890.959	
- Công ty TNHH Bình Yên	-		-	
- Công ty cổ phần Lecmax Việt Nam	-		-	
- CN Công ty TNHH Fujitec Việt Nam tại Hà Nội	-		-	
- Tổng công ty tư vấn xây dựng Việt Nam - CTCP	308.560.000		308.560.000	
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Việt Trì	958.509.940		972.417.372	
- Công ty CP Tư vấn kiến trúc đô thị hà nội UAC	-		284.395.000	
- Trả trước cho người bán khác	2.350.095.885		1.259.518.587	
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>3.617.165.825</b>		<b>2.824.890.959</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Xây dựng Balimas	-	-	5.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần BV Asset (1)	17.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt (2)	34.000.000.000	-	-	-
- Tạ Thu Thanh (3)	6.200.000.000	-	-	-
- Tạ Thị Nga (3)	200.000.000	-	-	-
- Tạ Gia Bảo (3)	3.500.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.800.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Hợp đồng cho vay vốn số 01/LI-BVASSET và 02/LI-BVASSET ngày 25/03/2020, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama và Công ty Cổ phần BV Asset, số tiền cho vay lần lượt là: 10.000.000.000 đồng và 7.000.000.000 đồng, mục đích: sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay: 4,8%/năm

(2) Hợp đồng cho vay vốn số 01-20/BVG-Lilama ngày 27/04/2020, giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama và Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt, số tiền cho vay là: 34.000.000.000 đồng, mục đích: sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay: 4,1%/năm

(3) Hợp đồng cho vay vốn cá nhân bà Tạ Thu Thanh, Tạ Thị Nga và ông Tạ Gia Bảo. Lãi suất cho vay: 3,5% , 3,7% và 3,5%/năm

6 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác	55.655.862.609	-	32.348.217.468	-
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn Bách Việt (*)</i>	<i>39.104.039.861</i>	<i>-</i>	<i>15.628.151.900</i>	<i>-</i>
<i>Công ty cổ phần xây dựng và kỹ thuật Việt Nam</i>	<i>1.061.297.600</i>	<i>-</i>	<i>1.958.276.418</i>	<i>-</i>
<i>Dự thu lãi cho vay</i>	<i>755.045.754</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>14.735.479.394</i>	<i>-</i>	<i>14.761.789.150</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	49.404.772.037	-	53.205.484.905	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.557.660.105	-	350.609.850	-
Dư nợ phải trả, phải nộp khác	5.410.892	-	9.612.673	-
<b>Cộng</b>	<b>107.623.705.643</b>	<b>-</b>	<b>85.913.924.896</b>	<b>-</b>

(\*) Bao gồm:

- Khoản phải thu Công ty CP Tập đoàn Bách Việt là góp vốn theo HĐLD số 169/HĐLD-BVLG ký ngày 23/09/2011 của DA Bách Việt Lake Garden số tiền: 15.628.151.900 đồng

- Khoản phải thu Công ty CP Tập đoàn Bách Việt về việc phân chia lợi nhuận dự án Bách Việt Lake Garden theo HĐLD số 169/HĐLD-BVLG ký ngày 23/09/2011 , số tiền: 23.475.887.961 đồng

7 . Hàng tồn kho	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	216.634.592.921	-	224.390.011.878	-
<b>Cộng</b>	<b>216.634.592.921</b>	<b>-</b>	<b>224.390.011.878</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>8 . Chi phí trả trước</b>		31/12/2020	01/01/2020
<b>a, Ngắn hạn</b>		<b>41.265.859</b>	<b>57.264.493</b>
Chi phí trả trước khác		41.265.859	57.264.493
<b>Cộng</b>		<b>41.265.859</b>	<b>57.264.493</b>

<b>9 . Phải thu dài hạn khác</b>	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	670.000.000	-	670.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>670.000.000</b>	<b>-</b>	<b>670.000.000</b>	<b>-</b>

**10 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác		Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	264.947.187	4.914.575.743	222.838.660	157.616.660		5.559.978.250
Số tăng trong năm	-	-	-	-		-
Số giảm trong năm	264.947.187	1.836.051.559	84.308.483	119.616.660		2.304.923.889
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>264.947.187</i>	<i>1.836.051.559</i>	<i>84.308.483</i>	<i>119.616.660</i>		<i>2.304.923.889</i>
Số dư cuối năm	-	3.078.524.184	138.530.177	38.000.000		3.255.054.361
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	264.947.187	4.914.575.743	222.838.660	157.616.660		5.559.978.250
Số tăng trong năm	-	-	-	-		-
Số giảm trong năm	264.947.187	1.836.051.559	84.308.483	119.616.660		2.304.923.889
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>264.947.187</i>	<i>1.836.051.559</i>	<i>84.308.483</i>	<i>119.616.660</i>		<i>2.304.923.889</i>
Số dư cuối năm	-	3.078.524.184	138.530.177	38.000.000		3.255.054.361
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-		-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-		-

*Trong đó:*

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 3.255.054.361

<b>11 . Tài sản dở dang dài hạn</b>		31/12/2020	01/01/2020
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.078.406.219	4.838.888.902
+ Mua sắm tài sản cố định		3.712.192.491	3.472.675.174
- <i>Chung cư River Park</i>		<i>3.712.192.491</i>	<i>3.472.675.174</i>
+ Xây dựng cơ bản		1.366.213.728	1.366.213.728
- <i>Đầu tư XD DA Nam Đồng Mạ</i>		<i>1.366.213.728</i>	<i>1.366.213.728</i>
<b>Cộng</b>		<b>5.078.406.219</b>	<b>4.838.888.902</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,  
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**12 . Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	9.406.098.437	9.406.098.437	31.811.035.451	31.811.035.451
- Công ty cổ phần thương mại xây lắp Gia Lộc	431.968.942	431.968.942	1.454.950.699	1.454.950.699
- Công ty cổ phần Nam Hoàng Việt	-	-	1.421.993.475	1.421.993.475
- Công ty CP Kỹ thuật và Xây dựng Long Giang	-	-	9.233.243.992	9.233.243.992
- Công ty cổ phần Long Giang Sài Gòn	-	-	4.700.084.955	4.700.084.955
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	8.974.129.495	8.974.129.495	15.000.762.330	15.000.762.330
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.227.739.352	1.227.739.352	1.512.139.352	1.512.139.352
- Công ty cổ phần BV Land	873.131.855	873.131.855	1.164.631.855	1.164.631.855
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000
- Công ty CP Đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam	331.007.497	331.007.497	331.007.497	331.007.497
- Công ty CP BV Asset	7.100.000	7.100.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.633.837.789</b>	<b>10.633.837.789</b>	<b>33.323.174.803</b>	<b>33.323.174.803</b>

**13 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.870.460.000	6.231.288.080
- Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Quận Nam Từ Liêm	3.852.556.000	6.213.384.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	17.904.000	17.904.080
<b>Cộng</b>	<b>3.870.460.000</b>	<b>6.231.288.080</b>

**14 . Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước**

	01/01/2020		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/được bù trừ trong năm	31/12/2020	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.376.421.180	4.774.073.788	6.882.647.040	-	267.847.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	86.684.646	-	12.268.053	12.268.053	86.684.646	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.660.236	-	101.046.110	95.810.065	27.424.191	-
Các loại thuế khác	-	-	76.446.225	76.446.225	-	-
<b>Cộng</b>	<b>119.344.882</b>	<b>2.376.421.180</b>	<b>4.963.834.176</b>	<b>7.067.171.383</b>	<b>114.108.837</b>	<b>267.847.928</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(\*) Thuế TNDN phải nộp bao gồm:

- Thuế TNDN trong năm 2020: 0 đồng
- Thuế TNDN nhà thầu: 12.268.053 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,  
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>15 . Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Chi phí lãi vay trích trước	-	-
Trích trước chi phí công trình	818.154.733	976.951.981
- Trích trước chi phí dự án Nam Đồng Mạ	818.154.733	976.951.981
<b>Cộng</b>	<u><b>818.154.733</b></u>	<u><b>976.951.981</b></u>
<b>16 . Phải trả khác</b>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
<b>a, Phải trả ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	33.881.622	58.869.918
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	11.480.502
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	669.740.633	669.740.633
- Tạm ứng dư Có	142.667.700	-
- Phải thu khác dư Có	983.400	92.767.400
<b>Cộng</b>	<u><b>847.273.355</b></u>	<u><b>832.858.453</b></u>
<b>a, Phải trả dài hạn khác</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt (1)	-	58.200.000.000
- Công ty Cổ phần BV Land (2)	-	36.255.000.000
- Công ty Cổ phần BV Asset (3)	-	14.920.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>-</b></u>	<u><b>109.375.000.000</b></u>

(1), (2), (3): là phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐKD/2018 ngày 06/04/2018 giữa các Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lilama, Công ty CP Tập đoàn Bách Việt (trước là Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt), Công ty Cổ phần BV Land (trước là Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaenco) và Công ty Cổ phần BV Asset (trước là Công ty Cổ phần Việt Kan) để thực hiện dự án Đầu tư khu đất tại vị trí C01 và X03 thuộc khu dân cư số 02, thành phố Bắc Giang có tổng số vốn đầu tư của Dự án là 725.100.000.000 tỷ đồng với tỷ lệ góp vốn như sau: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lilama là 7.251.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 5% tổng vốn góp, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt là 79.761.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 55% tổng vốn góp, Công ty Cổ phần BV Land là 36.255.000.000 đồng chiếm 25% tổng vốn góp và Công ty Cổ phần BV Asset là 21.753.000.000 đồng chiếm 15% tổng vốn góp. Các bên căn cứ vào tiến độ thực hiện dự án lập kế hoạch tài chính tháng, quý, năm hoặc đợt xuất góp vốn các đợt cho đến khi đủ số vốn cam kết. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ vốn góp. Trong năm, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lilama đã thanh toán toàn bộ số tiền góp vốn hợp tác kinh doanh cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt, Công ty Cổ phần BV Land, Công ty Cổ phần BV Asset theo biên bản thanh lý hợp đồng của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐKD/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2020
<b>17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>		- 55.000.000.000	61.042.064.942	6.042.064.942
a, Vay ngắn hạn		- 55.000.000.000	58.621.834.987	3.621.834.987
<i>Tổng Công ty lắp máy Việt Nam (1)</i>		-	3.621.834.987	3.621.834.987
<i>Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai</i>		- 55.000.000.000	55.000.000.000	-
b, Vay dài hạn đến hạn trả		-	2.420.229.955	2.420.229.955
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Thịnh (3)</i>		-	2.420.229.955	2.420.229.955
<b>17.2 Số có khả năng trả nợ</b>		-		6.042.064.942
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-	6.042.064.942

**18 . Vốn chủ sở hữu****18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Tổng cộng
<b>Số dư 01/01/2019</b>	250.000.000.000	26.125.005.000	4.535.224.228	10.333.294.867	290.993.524.095
Tăng vốn trong năm	-	-	56.083.977	-	56.083.977
<i>Trích quỹ</i>	-	-	56.083.977	-	56.083.977
Giảm vốn trong năm	-	-	-	(14.101.378.270)	(14.101.378.270)
<i>Lỗi trong năm</i>	-	-	-	(3.068.867.760)	(3.068.867.760)
<i>Phân phối các quỹ</i>	-	-	-	(112.167.954)	(112.167.954)
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	(10.920.342.556)	(10.920.342.556)
<b>Số dư 31/12/2019</b>	250.000.000.000	26.125.005.000	4.591.308.205	(3.768.083.403)	276.948.229.802
<b>Số dư 01/01/2020</b>	250.000.000.000	26.125.005.000	4.591.308.205	(3.768.083.403)	276.948.229.802
Tăng vốn trong năm	204.400.000.000	-	-	25.516.480.486	229.916.480.486
<i>Lãi trong năm</i>	-	-	-	25.516.480.486	25.516.480.486
Tăng vốn	204.400.000.000	-	-	-	204.400.000.000
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư 31/12/2020</b>	454.400.000.000	26.125.005.000	4.591.308.205	21.748.397.083	506.864.710.288



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

<b>18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	31/12/2020	01/01/2020
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	69.300.000.000	69.300.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 10	22.500.000.000	22.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Địa ốc Bách Việt)	333.800.000.000	129.400.000.000
Các cổ đông khác	28.800.000.000	28.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>454.400.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

<b>18.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	250.000.000.000	250.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	204.400.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	454.400.000.000	250.000.000.000

<b>18.4. Cổ phiếu</b>	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.440.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	45.440.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.440.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.440.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.440.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

<b>1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	31.379.175.764	147.247.228.447
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	17.024.134.723	20.898.704.527
<b>Cộng</b>	<b>48.403.310.487</b>	<b>168.145.932.974</b>
<b>(*) Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>7.928.724.851</b>	<b>85.367.868.110</b>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	-	75.516.848.453
- Công ty Cổ phần BV Land	7.928.724.851	9.851.019.657



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,  
P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Năm nay	Năm trước
<b>2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu thuần hợp đồng xây lắp	31.379.175.764	147.247.228.447
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	17.024.134.723	20.898.704.527
<b>Cộng</b>	<b>48.403.310.487</b>	<b>168.145.932.974</b>
<b>3 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của hợp đồng xây lắp	28.542.877.575	142.649.310.453
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	17.269.223.773	20.626.832.575
<b>Cộng</b>	<b>45.812.101.348</b>	<b>163.276.143.028</b>
<b>4 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.903.603.150	7.179.338
- Lãi được chia từ dự án Bách Việt Lake Garden	23.475.887.961	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.655.007	375.000
<b>Cộng</b>	<b>26.381.146.118</b>	<b>7.554.338</b>
<b>5 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	246.369.863	558.497.503
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1.824.155
<b>Cộng</b>	<b>246.369.863</b>	<b>560.321.658</b>
<b>6 . Thu nhập khác</b>		
- Thanh lý tài sản cố định	545.454.545	-
Trong đó		
+ <i>Thu thanh lý tài sản cố định</i>	545.454.545	
+ <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	-	
+ <i>Thu thuần thanh lý tài sản cố định</i>	545.454.545	
- Các khoản thu nhập khác	10.000.780	-
<b>Cộng</b>	<b>555.455.325</b>	<b>-</b>



7 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Các khoản truy thu, phạt thuế	70.954.815	2.488.458.494
- Chi phí khác	-	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.954.815</b>	<b>2.498.458.494</b>
8 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>2.937.437.904</i>	<i>4.119.956.651</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.984.561.858	2.519.147.536
- Chi phí đồ dùng văn phòng	12.716.922	48.243.198
- Thuế, phí, lệ phí	37.119.739	69.145.422
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.085.527	941.844.860
- Chi phí bằng tiền khác	305.953.858	541.575.635
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>756.567.514</i>	<i>767.475.241</i>
- Chi phí nhân viên	-	64.574.400
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	9.809.088
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	613.905.555	583.934.675
- Chi phí bán hàng khác	142.661.959	109.157.078
9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	25.516.480.486	(3.068.867.760)
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế		
a.1 Các khoản điều chỉnh tăng	70.954.815	-
+ Các khoản phạt	70.954.815	-
a.2 Các khoản điều chỉnh giảm	25.587.435.301	(3.068.867.760)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.475.887.961	-
+ Bù lỗ năm trước	2.111.547.340	(3.068.867.760)
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(a.1)-(a.2)	-	-
d. Thuế TNDN ={(c)*thuế suất thuế TNDN}	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

10 . Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.516.480.486	(3.068.867.760)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	27.305.738	25.000.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>934</b>	<b>(123)</b>

  

11 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.103.157.370	23.857.592.063
Chi phí nhân công	4.559.232.603	3.989.011.128
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.704.250.031	68.323.539.414
Chi phí khác bằng tiền	1.384.047.805	23.386.029.254
<b>Cộng</b>	<b>41.750.687.809</b>	<b>119.556.171.859</b>

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**3 . Thông tin về các bên liên quan****3.1 Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	Hà Nội	Cổ đông
Công ty Cổ phần BV Land	Hà Nội	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP	Hà Nội	Cổ đông
Công ty CP BV Asset (trước là Công ty Viet kan)	Hà Nội	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam	Hà Nội	Cùng chủ sở hữu

**3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:**

TT Các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
<b>a, Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		
1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	-	75.516.848.453
2 Công ty Cổ phần BV Land	7.928.724.851	9.851.019.657

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LILAMA**

Tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng,

P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**b, Mua hàng hóa, dịch vụ...**

1 Công ty Cổ phần BV Land	-	6.834.465.662
2 Tổng Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP	30.571.988	35.267.343
3 Công ty CP Đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam	-	4.637.902.030

**c, Trả lại tiền hợp tác kinh doanh dự án C01 và X03...**

1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	58.200.000.000	-
2 Công ty Cổ phần BV Asset	14.920.000.000	-
3 Công ty Cổ phần BV Land	36.255.000.000	-

**d, Chuyển tiền cho vay**

1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	45.000.000.000	-
2 Công ty Cổ phần BV Asset	17.000.000.000	-

**e, Thu hồi tiền cho vay**

1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	11.000.000.000	-
--------------------------------------	----------------	---

**f, Nhận tiền góp vốn**

1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	204.400.000.000	-
--------------------------------------	-----------------	---

**3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2020:**

<b>TT</b>	<b>Các bên liên quan</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>a, Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	9.804.127.238	21.804.127.238
2	Công ty Cổ phần BV Land	8.382.320.643	5.321.857.483
	<b>Cộng</b>	<b>18.186.447.881</b>	<b>27.125.984.721</b>
	<b>b, Phải thu khác</b>		
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	39.104.039.861	15.628.151.900
2	Tổng Công ty lắp máy Việt Nam-CTCP	5.283.708	5.283.708
	<b>Cộng</b>	<b>39.109.323.569</b>	<b>15.633.435.608</b>
	<b>c, Gốc vay phải trả</b>		
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	-	3.621.834.987
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.621.834.987</b>
	<b>d, Phải thu về cho vay</b>		
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	34.000.000.000	-
2	Công ty Cổ phần BV Asset	17.000.000.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>51.000.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>e, Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
1	Công ty Cổ phần BV Land	873.131.855	1.164.631.855
2	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	16.500.000	16.500.000
3	Công ty CP Đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam	331.007.497	331.007.497
4	Công ty CP BV Asset	7.100.000	-
	<b>Cộng</b>	<b>1.227.739.352</b>	<b>1.512.139.352</b>



**f, Phải trả dài hạn khác (phải trả về hợp tác đầu tư)**

1 Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	-	58.200.000.000
2 Công ty Cổ phần BV Land	-	36.255.000.000
3 Công ty CP BV Asset	-	14.920.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>109.375.000.000</b>

**3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2020:

<u>TT</u>	<u>Bộ phận</u>	<u>Thu nhập</u>
	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	720.590.000
	Ban Kiểm soát	159.587.298
	<b>Cộng</b>	<b>880.177.298</b>

**4 . Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5 . Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

**6 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Vũ Thị Hoàng Lan

Lưu Vũ Trường Đạm

Nguyễn Tân Thành